TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 429/2019/HNGĐ-ST Ngày 22-11-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Ông Nguyễn Văn Hơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Huyền T - Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25 tháng 10 năm 2019).

2/ Bị đơn: Ông Ngô Văn S - Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Phạm Thị Huyền T trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn S tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/01/2018 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Ông bà chung sống được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng thường xuyên gây cãi với nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc, cũng từ năm 2018 ông bà đã sống

ly thân với nhau cho đến nay. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông S, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con: Bà và ông S có một người con chung là Ngô Tường V - Sinh ngày 03 tháng 9 năm 2016, người con này hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi người con nêu trên, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản, về nợ: Bà T xác định bà và ông S không có tài sản chung, không có nợ của ai khoản nợ nào nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn là ông Ngô Văn S vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có liên quan đến vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

• Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Huyền T đối với ông Ngô Văn S.

• Về con: Giao cho bà Trang được quyền trực tiếp nuôi người con chung là Ngô Tường V - Sinh ngày 03 tháng 9 năm 2016. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

• Về tài sản, về nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Huyền T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với ông Ngô Văn S có địa chỉ tại ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Ngô Văn S vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà T, ông S là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà T và ông S là phù hợp với quy định của pháp luật. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy giữa bà

T và ông S đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được. Bên cạnh đó, dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông S vẫn vắng mặt, trong khi đó bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con: Bà T yêu cầu được nuôi người con chung giữa bà với ông S là: Ngô Tường V - Sinh ngày 03 tháng 9 năm 2016. Xét thấy, bản thân bà T đang là người trực tiếp nuôi con, ông S vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì liên quan đến việc nuôi con; do vậy cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng, về tài sản, về nợ: Ông S vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ; bà T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ *Về hôn nhân:* Bà Phạm Thị Huyền T được ly hôn với ông Ngô Văn S.

2/ *Về con:*

- Giao cho bà Phạm Thị Huyền T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa bà với ông Ngô Văn S là Ngô Tường V - Sinh ngày 03 tháng 9 năm 2016 (người con này đang sống chung với bà T).

- Bà Phạm Thị Huyền T không yêu cầu ông Ngô Văn S cấp dưỡng nuôi con nên ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Ngô Văn S có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này. Trong trường hợp ông S lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

dưỡng con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông S.

- Vì lợi ích của con chung, bà Phạm Thị Huyền T, ông Ngô Văn S hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ: Ông Ngô Văn S vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ; bà Phạm Thị Huyền T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004435 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà Phạm Thị Huyền T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Phạm Thị Huyền T, ông Ngô Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Bà Phạm Thị Huyền T (01 bản);
- Ông Ngô Văn S (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Chợ Lách (01 bản);
- UBND xã E, huyện Chợ LácCh, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền